

**NGŨNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐẦU VÀO (ĐIỂM SÀN) CÁC CHƯƠNG TRÌNH TUYỂN SINH ĐẠI HỌC,
TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON NĂM 2026 CHÍNH QUY
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình/ngành xét tuyển	THPT/ THPT+HB/ THPT+CC/	HB	ĐGNL	HB+NK	THPT+NK
1	51140201	Giáo dục mầm non (Cao đẳng) (Đào tạo tại Phân hiệu Ninh Thuận)	-	-	-	(*)	(*)
2	7140201	Giáo dục mầm non (Đại học) (Đào tạo tại Phân hiệu Ninh Thuận)	-	-	-	(*)	(*)
3	7140215	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	(*)	(*)	601	-	-
4	7220201	Ngôn ngữ Anh	18.00	20.00	650	-	-
5	7220201N	Ngôn ngữ Anh (Đào tạo tại Phân hiệu Ninh Thuận)	16.00	18.00	601	-	-
6	7310101	Kinh tế	16.00	18.00	601	-	-
7	7310101C	Kinh tế (Chương trình nâng cao, chuyên ngành Kinh tế Nông nghiệp)	16.00	18.00	601	-	-
8	7340101	Quản trị kinh doanh	16.00	18.00	601	-	-
9	7340101N	Quản trị kinh doanh (Đào tạo tại Phân hiệu Ninh Thuận)	16.00	18.00	601	-	-
10	7340101C	Quản trị kinh doanh (Chương trình nâng cao)	16.00	18.00	601	-	-
11	7340116	Bất động sản	16.00	18.00	601	-	-
12	7340301	Kế toán	16.00	18.00	601	-	-
13	7340301N	Kế toán (Đào tạo tại Phân hiệu Ninh Thuận)	16.00	18.00	601	-	-
14	7420201	Công nghệ sinh học	16.00	18.00	601	-	-
15	7420201C	Công nghệ sinh học (Chương trình nâng cao)	16.00	18.00	601	-	-
16	7440301	Khoa học môi trường	16.00	18.00	601	-	-
17	7480104	Hệ thống thông tin	16.00	18.00	601	-	-
18	7480201	Công nghệ thông tin	18.00	20.00	650	-	-
19	7480201N	Công nghệ thông tin (Đào tạo tại Phân hiệu Ninh Thuận)	16.00	18.00	601	-	-
20	7480201C	Công nghệ thông tin (Chương trình nâng cao)	18.00	20.00	650	-	-
21	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	16.00	18.00	601	-	-
22	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	16.00	18.00	601	-	-
23	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	16.00	18.00	601	-	-
24	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	16.00	18.00	601	-	-
25	7510201C	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Chương trình nâng cao)	16.00	18.00	601	-	-
26	7510401	Công nghệ kỹ thuật hoá học	18.00	20.00	650	-	-

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình/ngành xét tuyển	THPT/ THPT+HB/ THPT+CC/	HB	ĐGNL	HB+NK	THPT+NK
27	7510401C	Công nghệ kỹ thuật hóa học (Chương trình nâng cao)	18.00	20.00	650	-	-
28	7519007	Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo	16.00	18.00	601	-	-
29	7519007N	Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo (Đào tạo tại Phân hiệu Ninh Thuận)	16.00	18.00	601	-	-
30	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	16.00	18.00	601	-	-
31	7520320	Kỹ thuật môi trường	16.00	18.00	601	-	-
32	7540101	Công nghệ thực phẩm	18.00	20.00	650	-	-
33	7540101T	Công nghệ thực phẩm (Chương trình tiên tiến)	18.00	20.00	650	-	-
34	7540101C	Công nghệ thực phẩm (Chương trình nâng cao)	18.00	20.00	650	-	-
35	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản	16.00	18.00	601	-	-
36	7540106	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	18.00	20.00	650	-	-
37	7549001	Công nghệ chế biến lâm sản	16.00	18.00	601	-	-
38	7620105	Chăn nuôi	16.00	18.00	601	-	-
39	7620105C	Chăn nuôi (Chương trình nâng cao)	16.00	18.00	601	-	-
40	7620109	Nông học	16.00	18.00	601	-	-
41	7620112	Bảo vệ thực vật	16.00	18.00	601	-	-
42	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	16.00	18.00	601	-	-
43	7620116	Phát triển nông thôn	16.00	18.00	601	-	-
44	7620201	Lâm học	16.00	18.00	601	-	-
45	7620202	Lâm nghiệp đô thị	16.00	18.00	601	-	-
46	7620211	Quản lý tài nguyên rừng	16.00	18.00	601	-	-
47	7620301	Nuôi trồng thủy sản	16.00	18.00	601	-	-
48	7640101	Thú y	18.00	20.00	650	-	-
49	7640101N	Thú y (Đào tạo tại Phân hiệu Ninh Thuận)	16.00	18.00	601	-	-
50	7640101T	Thú y (Chương trình tiên tiến)	18.00	20.00	650	-	-
51	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	16.00	18.00	601	-	-
52	7850103	Quản lý đất đai	16.00	18.00	601	-	-
53	7850103C	Quản lý đất đai (Chương trình nâng cao)	16.00	18.00	601	-	-
54	7859002	Tài nguyên và Du lịch sinh thái	16.00	18.00	601	-	-
55	7859002N	Tài nguyên và Du lịch sinh thái (Đào tạo tại Phân hiệu Ninh Thuận)	16.00	18.00	601	-	-

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình/ngành xét tuyển	THPT/ THPT+HB/ THPT+CC/	HB	ĐGNL	HB+NK	THPT+NK
56	7859007	Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên	16.00	18.00	601	-	-

(*) Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo Quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT.

Ghi chú:

- **THPT:** phương thức sử dụng kết quả 03 (ba) môn thi tốt nghiệp THPT cho tổ hợp môn xét tuyển;
- **THPT+HB:** phương thức kết hợp kết quả 02 (hai) môn thi tốt nghiệp THPT + kết quả 01 (một) môn từ học bạ cho tổ hợp môn xét tuyển (không phải là môn Văn hoặc Toán);
- **THPT+CC:** phương thức kết hợp điểm 02 (hai) môn thi tốt nghiệp THPT + chứng chỉ quốc tế quy đổi thay thế cho môn tiếng Anh cho tổ hợp môn xét tuyển;
- **HB:** phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập bậc THPT (học bạ);
- **ĐGNL:** phương thức xét tuyển sử dụng kết quả thi Đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026;
- **HB+NK:** phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập bậc THPT (môn Toán + môn Ngữ văn) và điểm môn Năng khiếu;
- **THPT+NK:** phương thức xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT (môn Toán + môn Ngữ văn) và điểm môn Năng khiếu.